

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày 19-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành, bà Đặng Hoa Xuân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2024/HS-ST ngày 09-5-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 06-6-2024, đối với:

Bị cáo: Dương Văn M - Tên gọi khác: Không, sinh ngày 16-9-1999 tại tỉnh Yên Bái; nơi thường trú: Thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; con ông: Dương Văn Y (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01. Ngày 29-6-2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích tại bản án số 38/HS-ST); tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23-02-2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Đỗ Thị V; sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Minh P; sinh năm 2005; nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Anh Bùi Tiến Đ; sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn V, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Anh Lương Quốc H1; sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 22-02-2024, Dương Văn M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Future mang biển kiểm soát 21K1-069 72 đi đến gia đình bà Đỗ Thị V. Khi đến nhà bà V thấy không có ai ở nhà, M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Mào trèo qua tường đi đến khu vực bếp dùng tay gạt chốt cửa đi vào trong nhà và sử dụng đèn Flash của chiếc điện thoại mang theo tìm tài sản. Khi đi đến khu vực thờ Mào phát hiện có 01 bao lì xì, mở ra xem thấy bên trong có 02 tờ tiền do N hàng nhà nước Việt Nam phát hành mệnh giá 500.000 đồng. Mào lấy cho vào túi quần đang mặc rồi đi về, khi đi đến khu vực vòng xuyên ngã 6 thuộc thôn T, xã T, thành phố Y, M lấy số tiền và vứt bỏ vỏ bao lì xì đi. Mào tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà của Nguyễn Minh P (bạn của M) chơi. Khoảng 12 giờ cùng ngày M nhận được điện thoại của Lương Quốc H1 là nhân viên giao hàng hẹn Mào đến cổng trường Cao đẳng N3 để nhận đơn hàng. Khi gặp nhau anh H1 đưa cho M 01 đôi dép cao su màu đen với giá 50.000 đồng. M nhận hàng và đưa cho anh H1 01 tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng (tờ tiền Mào trộm cắp ở nhà bà V), anh H1 nhận và thanh toán lại cho M 450.000 đồng. Mào nhờ anh Lý Hữu N1 chuyển số tiền 900.000 đồng vào số tài khoản 0812952554 Ngân hàng MB của chị Nguyễn Minh P, số tiền còn lại 50.000 đồng Mào tiêu xài hết. Đến khoảng 12 giờ 15 phút Mào sử dụng tài khoản của chị P trả nợ cho anh Phạm Công N2 số tiền 80.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ Mào bị Công an xã G triệu tập để làm việc. Mào đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của gia đình bà V.

Tại Cơ quan điều tra Mào tự nguyện khai báo hành vi trộm cắp tài sản của gia đình bà Đỗ Thị V vào ngày 22-01-2023 cụ thể như sau: Khoảng 13 giờ ngày 22-01-2023 (mùng một tết âm lịch) Mào đi đến nhà bà V chúc tết nhưng không thấy ai ở nhà. Mào quan sát thấy chiếc két sắt đang mở bên trong có tiền và các hộp đựng nhẫn màu đỏ. Mào lấy toàn bộ tiền và các hộp đựng nhẫn cho vào túi quần đang mặc rồi đi ra bờ kè sông H, cách nhà bà V khoảng 30m kiểm đếm được 7.000.000 đồng tiền mặt và 05 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng. Đến khoảng 20 giờ ngày 24-01-2023 M mang 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng đến cửa hàng V1 tại tổ I, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái bán cho chị Lương Vũ Ngọc A được 16.050.000 đồng. Tiếp đến ngày 25-01-2023 M mang 03 chiếc nhẫn màu vàng còn lại đến cửa hàng V2 tại tiểu khu bệnh viện thị trấn nông trường M, tỉnh Sơn La bán cho anh Vũ Ánh D được 11.500.000 đồng. Số tiền mặt và tiền bán 05 chiếc nhẫn màu vàng Mào đã chi tiêu hết.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ được 01 đôi dép cao su; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 và số tiền 500.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 154/KL-KTHS ngày 12-3-2024 của Phòng K-Công an tỉnh Y kết luận; 01 tờ tiền Việt nam mệnh giá 500.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 15-4-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Y kết luận: Đối với 02 chiếc nhẫn vàng, loại vàng 24K, đều là nhẫn vàng trơn, không gắn đá, không xác định trọng lượng của từng chiếc nhẫn. Những chiếc nhẫn trên đều khắc chữ “Hùng Dung” tại mặt trong của chiếc nhẫn. Hội đồng định giá tài sản xác định có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 22-01-2023 là 16.380.000 đồng.

- Đối với 05 hộp đựng nhẫn hình tròn, màu đỏ, bằng nhựa. Hội đồng định giá tài sản xác định có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 22-01-2023 là 0 đồng.

- Tài sản chưa đủ điều kiện định giá là 03 chiếc nhẫn bằng vàng, loại vàng 24K, đều là nhẫn trơn, không gắn đá, không xác định trọng lượng của từng chiếc nhẫn, những chiếc nhẫn đều khắc chữ “Hùng Dung” tại mặt trong của chiếc nhẫn.

- 01 bao lì xì tết bằng giấy, màu đỏ hình chữ nhật, kích thước khoảng (10 x 5) cm. Hội đồng định giá tài sản xác định có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 22-2-2024 là 0 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 37/CT-VKS-TP ngày 08-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Dương Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn M từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Đỗ Thị V số tiền 6.500.000 đồng và 02 nhẫn vàng có trị giá 16.380.000 đồng. Tổng cộng là 22.880.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tổ tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép cao su màu đen.

Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST, án phí DSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Dương Văn M phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 22-01-2023 và 22-02-2024, tại thôn N, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, Dương Văn M đã trộm cắp tài sản của bà Đỗ Thị V với trị giá tài sản là 24.380.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Bị cáo Dương Văn M là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, thể hiện ý thức rèn luyện, chấp hành pháp luật của bị cáo là rất kém, do đó cần có hình phạt thỏa đáng tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo, bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tự thú về hành vi chưa bị phát hiện, thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về hành vi, người và các tài sản, đồ vật có liên quan

- Đối với chị Lương Vũ Ngọc A, anh Vũ Ánh D là những người mua tài sản của Dương Văn M. Chị Nguyễn Minh P là người cho M mượn số tài khoản. Quá trình điều tra chị A, chị P và anh D không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập việc xử lý trong vụ án là phù hợp.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future mang biển kiểm soát 21K1-069 72. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của Lữ Văn P1 cho bị cáo mượn nhưng anh P1 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Văn M nên không đề cập việc xử lý trong vụ án là phù hợp.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 không nắp sim, điện thoại đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Tiến Đ cho bị cáo mượn. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 268/QĐ-ĐTTH ngày 01-4-2024 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng mang số thuê bao 0812 952 554 đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Minh P, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị P theo Quyết định xử lý vật chứng số 267/QĐ-ĐTTH ngày 01-4-2024 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 500.000 đồng tạm giữ của anh Lương Quốc H1: Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Đỗ Thị V, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà V theo Quyết định xử lý vật chứng số 268/QĐ-ĐTTH ngày 01-4-2024 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01 đôi dép cao su màu đen thu giữ. Xét thấy đây là tài sản của bị cáo có được do phạm tội mà có, giá trị không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại bà Đỗ Thị V đã được nhận lại số tiền 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ bị cáo) bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Bà V yêu cầu bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho bà số tiền 6.500.000 đồng và 16,5 chỉ vàng loại 24K bị cáo chiếm đoạt ngày 20-01-2023. Quá trình điều tra chỉ có căn cứ chứng minh ngày 20-01-2023 bị cáo M chiếm đoạt của bà số tiền 7.000.000 đồng và 02 nhẫn vàng loại 24K. Do đó, cần buộc bị cáo Dương Văn M tiếp tục bồi thường cho bà V số tiền 6.500.000 đồng và 02 nhẫn vàng loại 24K có trị giá 16.380.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bà V là 22.880.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H trả tiền cho bà V số tiền 1.000.000 đồng thay cho bị cáo. Chị Nguyễn Minh P trả cho anh Lương Quốc H1 500.000 đồng thay cho bị cáo. Bà H và chị P không yêu cầu bị cáo M phải hoàn trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn M 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 23-02-2024.

3. Về Vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép cao su màu đen.

(Chi tiết đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09-5-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Dương Văn M phải bồi thường cho bà Đỗ Thị V số tiền 22.880.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên nếu bị cáo M chưa thi hành thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Dương Văn M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.144.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Đỗ Thị V có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: có mặt có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền, lợi ích trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền, lợi ích trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- THADS thành phố Yên Bái;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Yên Bái;
- Công an thành phố Yên Bái;
- Hồ Sơ NV CATP Yên Bái;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu: Hs, TA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thế Hòa

